

**Câu 1.** Dân tộc nào sau đây chủ yếu sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Kơ-me.      B. Chăm.      C. Tày.      D. Hoa.

**Câu 2.** Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm của quần cư nông thôn nước ta?

- A. Nơi cư trú được cấu trúc thành phường.  
B. Hoạt động kinh tế chủ yếu là nông nghiệp.  
C. Hoạt động kinh tế chủ yếu là công nghiệp.  
D. Trung tâm kinh tế, văn hóa và chính trị.

**Câu 3.** Cây nào sau đây của nước ta thuộc nhóm cây công nghiệp lâu năm?

- A. Cà phê.      B. Đậu tương.      C. Lạc.      D. Mía.

**Câu 4.** Ngành công nghiệp sản xuất điện nào sau đây phát triển chủ yếu ở Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên?

- A. Điện gió.      B. Điện nguyên tử.      C. Nhiệt điện.      D. Điện mặt trời.

**Câu 5.** Nhân tố tự nhiên ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển và phân bố công nghiệp ở nước ta là

- A. địa hình.      B. khí hậu.      C. sinh vật.      D. khoáng sản.

**Câu 6.** Nhân tố nào sau đây có ảnh hưởng quyết định đến sự phát triển của ngành dịch vụ nước ta?

- A. Sự phát triển kinh tế.      B. Cơ sở hạ tầng.  
C. Dân cư và lao động.      D. Vốn, khoa học công nghệ.

**Câu 7.** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ dẫn đầu cả nước về chăn nuôi

- A. bò.      B. trâu.      C. ngựa.      D. gia cầm.

**Câu 8.** Tỉnh nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Quảng Ninh.      B. Bắc Giang.  
C. Tuyên Quang.      D. Thái Nguyên.

**Câu 9.** Bắc Trung Bộ giáp với vùng nào sau đây?

- A. Đông Nam Bộ.      B. Tây Nguyên.  
C. Đồng bằng sông Hồng.      D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 10.** Tài nguyên khoáng sản quan trọng nhất của vùng Tây Nguyên là

- A. than.      B. sắt.      C. vàng.      D. bô-xít.

**Câu 11.** Hạn chế chủ yếu về mặt tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ là

- A. đất bạc màu lớn.      B. mùa khô kéo dài.  
C. núi cao hiểm trở.      D. nóng ẩm quanh năm.

**Câu 12.** Sự phong phú, đa dạng về tài nguyên biển và hải đảo là cơ sở thuận lợi để nước ta

- A. giữ vững và củng cố an ninh quốc phòng.      B. giải quyết tốt việc làm, tăng thu hút đầu tư.  
C. phát triển đa dạng các ngành kinh tế biển.      D. thúc đẩy và mở rộng thị trường xuất khẩu.

**Câu 13.** Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2022**

| <b>Năm</b>                   | <b>2010</b> | <b>2015</b> | <b>2018</b> | <b>2022</b> |
|------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Dầu khí ( <i>triệu tấn</i> ) | 15,0        | 18,7        | 14,0        | 10,8        |
| Than ( <i>triệu tấn</i> )    | 44,8        | 41,6        | 42,3        | 49,8        |
| Điện ( <i>tỉ kwh</i> )       | 91,7        | 157,9       | 209,2       | 258,7       |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi sản lượng công nghiệp năng lượng nước ta giai đoạn 2010 - 2022?

- A. Sản lượng dầu khí giảm liên tục, sản lượng điện tăng.
- B. Sản lượng than tăng liên tục, sản lượng dầu khí giảm.
- C. Sản lượng điện tăng liên tục, sản lượng dầu khí giảm.
- D. Sản lượng than tăng liên tục, sản lượng điện tăng đều.

**Câu 14.** Cho bảng số liệu:

**SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ TĂNG DÂN SỐ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2017 - 2022**

| <b>Năm</b>                    | <b>2017</b> | <b>2019</b> | <b>2021</b> | <b>2022</b> |
|-------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Số dân ( <i>triệu người</i> ) | 94,3        | 96,5        | 98,5        | 99,5        |
| Tỉ lệ tăng dân số (%)         | 1,11        | 1,15        | 0,94        | 0,97        |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo bảng số liệu, để thể hiện số dân và tỉ lệ tăng dân số nước ta giai đoạn 2017 - 2022, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Miền.
- C. Cột.
- D. Đường.

**Câu 15.** Theo tổng cục thống kê: Năm 2022 số dân nước ta là 99,46 triệu người, diện tích nước ta là 331345 km<sup>2</sup>. Vậy mật độ dân số của nước ta năm 2022 là

- A. 30 người/ km<sup>2</sup>.
- B. 300 người/ km<sup>2</sup>.
- C. 3331 người/ km<sup>2</sup>.
- D. 33 người/ km<sup>2</sup>.

----- Hết -----

*Thí sinh được sử dụng máy tính cầm tay và không được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.*

**CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT KHÔNG CHUYÊN  
TỪ NĂM HỌC 2025-2026**

**MÔN THI: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ – KIẾN THỨC ĐỊA LÍ**

| <b>STT</b> | <b>Mức độ</b><br>(Biết/Hiểu/Vận dụng) | <b>Nội dung</b><br>(Mạch kiến thức/Chủ đề)   | <b>Yêu cầu cần đạt</b>  |
|------------|---------------------------------------|--|---|
| 1          | Biết/Hiểu/Vận dụng                    | <b>ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM</b><br>- Thành phần dân tộc<br>- Gia tăng dân số ở các thời kì<br>- Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính<br>- Phân bố dân cư<br>- Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn                             | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc, phân bố dân cư Việt Nam.</li><li>- Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.</li><li>- Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn.</li><li>- Nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số.</li></ul>  |
| 2          | Biết/Hiểu                             | <b>ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ</b><br>* NÔNG, LÂM, THỦY SẢN<br>- Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản<br>- Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản<br>- Vấn đề phát triển nông nghiệp xanh | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trình bày được sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản.</li><li>- Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp (các nhân tố tự nhiên: địa hình, đất đai, khí hậu, nước, sinh vật; các nhân tố kinh tế-xã hội: dân cư và nguồn lao động, thị trường, chính sách, công nghệ, vốn đầu tư).</li><li>- Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản.</li><li>- Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.</li></ul> |

| STT | Mức độ<br>(Biết/Hiểu/Vận dụng) | Nội dung<br>(Mạch kiến thức/Chủ đề)   | Yêu cầu cần đạt  |
|-----|--------------------------------|---|--|
| 3   | Biết/Hiểu/Vận dụng             | <p><b>* CÔNG NGHIỆP</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp</li> <li>- Sự phát triển và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu</li> <li>- Vấn đề phát triển công nghiệp xanh</li> </ul>                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu.</li> <li>- Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính.</li> <li>- Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp: vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, dân cư và nguồn lao động, chính sách, khoa học-công nghệ, thị trường, vốn đầu tư, nguồn nguyên liệu.</li> <li>- Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh.</li> </ul>  |
| 4   | Biết/Hiểu/Vận dụng             | <p><b>* DỊCH VỤ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ</li> <li>- Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông</li> <li>- Thương mại, du lịch</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính.</li> <li>- Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông.</li> <li>- Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ: vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, dân cư và nguồn lao động, chính sách, khoa học-công nghệ, thị trường, vốn đầu tư, lịch sử văn hóa.</li> <li>- Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch.</li> </ul> |
| 5   | Biết/Hiểu/Vận dụng             | <p><b>SỰ PHÂN HÓA LÃNH THỔ</b><br/><b>VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ</li> <li>- Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên</li> <li>- Các đặc điểm nổi bật về</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.</li> <li>- Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm phân hóa thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc.</li> <li>- Trình bày được các thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm, nông, thủy sản, du lịch.</li> <li>- Phân tích các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.</li> <li>- Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố</li> </ul>   |

| STT | Mức độ<br>(Biết/Hiểu/Vận dụng) | Nội dung<br>(Mạch kiến thức/Chủ đề)  | Yêu cầu cần đạt   |
|-----|--------------------------------|--|---|
|     |                                | dân cư, xã hội của vùng<br>- Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng   | dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư (sử dụng bảng số liệu).   |
| 6   | Biết/Hiểu/Vận dụng             | <b>VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG</b><br>- Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ<br>- Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên<br>- Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng<br>- Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.<br>- Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng (sử dụng bảng số liệu).<br>- Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông, lâm, thủy sản.<br>- Trình bày được vấn đề phát triển kinh tế biển.<br>- Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.<br>- Phân tích được vấn đề đô thị hóa ở Đồng bằng sông Hồng.<br>- Phân tích được vị thế của Thủ đô Hà Nội.                       |
| 7   | Biết/Hiểu/Vận dụng             | <b>BẮC TRUNG BỘ</b><br>- Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ<br>- Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên<br>- Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội<br>- Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế                               | - Trình bày được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Bắc Trung Bộ.<br>- Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ.<br>- Trình bày được đặc điểm phân hóa của tự nhiên (phân hóa bắc nam, phân hóa đông tây).<br>- Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ.<br>- Giải thích được đặc điểm phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ.<br>- Phân tích được sự phát triển và phân bố kinh tế ở Bắc Trung Bộ (sử dụng bảng số liệu).<br>- Phân tích được thế mạnh về du lịch ở Bắc Trung Bộ.<br>- Phân tích được vấn đề phát triển kinh tế biển ở Bắc Trung Bộ. |

| STT | Mức độ<br>(Biết/Hiểu/Vận dụng) | Nội dung<br>(Mạch kiến thức/Chủ đề)  | Yêu cầu cần đạt   |
|-----|--------------------------------|--|---|
|     |                                |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của Bắc Trung Bộ.</li> </ul>   |
| 8   | Biết/Hiểu                      | <p>DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ</li> <li>- Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên</li> <li>- Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội</li> <li>- Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế</li> </ul>            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Duyên hải Nam Trung Bộ.</li> <li>- Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc.</li> <li>- Phân tích được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính.</li> <li>- Phân tích được những chuyển biến trong sự phát triển và phân bố kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ.</li> <li>- Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của Duyên hải Nam Trung Bộ (sử dụng bảng số liệu).</li> </ul>   |
| 9   | Biết/Hiểu                      | <p>VÙNG TÂY NGUYÊN</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ</li> <li>- Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên</li> <li>- Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng</li> <li>- Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.</li> <li>- Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên: trồng cây công nghiệp lâu năm; phát triển du lịch; thủy điện và khai thác khoáng sản.</li> <li>- Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.</li> <li>- Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hóa của các dân tộc Tây Nguyên.</li> <li>- Trình bày được các vấn đề môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội.</li> </ul> |
| 10  | Biết/Hiểu/Vận dụng             | <p>VÙNG ĐÔNG NAM BỘ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ</li> <li>- Các đặc điểm nổi bật về</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hóa ở vùng Đông Nam Bộ.</li> </ul>  |

| STT | Mức độ<br>(Biết/Hiểu/Vận dụng) | Nội dung<br>(Mạch kiến thức/Chủ đề)  | Yêu cầu cần đạt  |
|-----|--------------------------------|--|--|
|     |                                | điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên<br>- Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng<br>- Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng   | - Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng: công nghiệp, phát triển cây công nghiệp; du lịch và thương mại (sử dụng bảng số liệu).<br>- Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.<br>- Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.<br>- Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng.  |
| 11  | Biết/Hiểu                      | <b>VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG</b><br>- Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ<br>- Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên<br>- Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng<br>- Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng<br>- Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.<br>- Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng: sản xuất lương thực, trồng cây ăn quả, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch (sử dụng bảng số liệu).<br>- Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.<br>- Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng.<br>- Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. |
| 12  | Biết/Hiểu/Vận dụng             | <b>PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO</b><br>- Biển và đảo Việt Nam   | - Trình bày được các vùng biển quốc gia; xác định được các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó.<br>- Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền,   |

| STT | Mức độ<br>(Biết/Hiểu/Vận dụng) | Nội dung<br>(Mạch kiến thức/Chủ đề)  | Yêu cầu cần đạt   |
|-----|--------------------------------|--|---|
|     |                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển tổng hợp kinh tế biển</li> <li>- Khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đảo</li> </ul>         | <p>các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.</li> </ul> |
| 13  | Vận dụng                       | <p><b>KĨ NĂNG ĐỊA LÍ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kĩ năng làm việc với bảng số liệu</li> <li>- Kĩ năng làm việc với biểu đồ</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kĩ năng xử lí số liệu thống kê, nhận xét số liệu thống kê.</li> <li>- Kĩ năng nhận dạng biểu đồ.</li> </ul>  |

-----Hết-----